

TOÀ ÁN ND
KHU VỰC 1- Đ
TINH □

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2025/HNGĐ-ST
Ngày 07/ 8/ 2025
V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi
ly hôn"

NHÂN DANH
N□ỐC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - Đ

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán chủ tọa phiên toà: Bà Bạc Thị Liên
- Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lò Thị Hiêng
2. Bà Đỗ Thị Thu Hà
- Th- ký Toà án ghi biên bản phiên toà: ông Lương V - Thẩm tra viên Tòa
án nhân dân khu vực 1- Đ

Ngày **07 tháng 8 năm 2025** tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 1 - Đ, tỉnh
Đ mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số:
69/2025/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp
nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đ- a vụ án ra xét xử số 21/2025/QĐXX-ST
ngày 30/5/2025 và QĐ hoãn phiên toà số 20/2025-QĐ HPT ngày 10/7/2025 **giữa
các đương sự:**

- 1 Nguyên đơn: Chị Phan Thị Kim L - Sinh năm: 1984 (có mặt)
Địa chỉ: Số nhà 28A, tổ 6, phường T, thành phố Đ, (Nay là phường Đ), tỉnh Đ
2. Bị đơn: Anh Tô Văn T - Sinh năm: 1983 (vắng mặt)
Địa chỉ: Số nhà 28A, tổ 6, phường T, thành phố Đ, (Nay là phường Đ), tỉnh Đ

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 29/3/2025 và các bản tự khai tại
Tòa án nhân dân khu vực 1- Điện Biên, chị Phan Thị Kim L (nguyên đơn)
trình bày:***

Về hôn nhân: Tôi và anh T có đăng ký kết hôn ngày 17/3/2008 tại UBND
phường T, thành phố Đ, (nay là phường Đ), tỉnh Đ. Chúng tôi lấy nhau là hoàn
toàn tự nguyện không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn chúng tôi chung sống hạnh
phúc được khoảng 14 năm đến năm 2022 thì cuộc sống hai vợ chồng tôi phát
sinh mâu thuẫn. Do hai bên bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tìm được
tiếng nói chung, tình cảm không còn, đỉnh điểm vào tháng 6 năm 2023 vợ chồng
đánh cãi nhau dẫn đến xô xát có hàng xóm chứng kiến sau đó cả 2 không ăn
chung, ngủ chung và kinh tế của ai, người đó tự quản. Chúng tôi đã ly thân tôi
dọn ra quán bán hàng ăn vặt, ăn ở và ngủ luôn tại quán cho đến nay không quan

tâm đến anh T. Bản thân anh T cũng bỏ mặc không quan tâm đến tôi. Cuộc sống rơi vào bế tắc không có hạnh phúc. Hiện tình cảm với chồng không còn. Tôi không thể chung sống với anh T được nữa đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

2. Về con chung: Từ khi kết hôn tôi và anh T có 02 con chung là cháu Tô Thuỳ A, sinh ngày 19/7/2008 và Tô Anh N sinh ngày 16/06/2012. Tại đơn khởi kiện ban đầu tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả 02 con và yêu cầu anh T cấp dưỡng 2.000.000đ/1 tháng đối với mỗi cháu cho đến khi các cháu thành niên. Sau khi hoà giải tôi thay đổi nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi cháu Tô Anh N để cháu Tô Thuỳ A cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Tôi không đề nghị anh T cấp dưỡng nuôi con chung nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

3. Về tài sản: Tài sản riêng; tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại bản tự khai và biên bản hòa giải Tòa án nhân dân khu vực 1- Đ, anh Tô Văn T (bị đơn) trình bày:

Về hôn nhân: Tôi và cô L có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố Đ ngày 17/3/2008, kết hôn tự nguyện và chung sống hạnh phúc được 12 năm sau thời gian này chúng tôi xảy ra một số mâu thuẫn nhỏ, một số tính cách chưa được đồng nhất về quan điểm cho nên đã ly thân hơn 2 năm nay nhưng tôi không đồng ý ly hôn vì muốn con cái được nuôi dạy nên người có đủ cả bố lẫn mẹ, nếu vợ chồng ly hôn sẽ ảnh hưởng tâm lý các con.

2. Về con chung. Có 02 con chung như cô L đã trình bày như trên tôi không đồng ý ly hôn nên không đồng ý chia con cái, nếu cô L cứ nhất định ly hôn tôi có nguyện vọng được nuôi cả 02 con không yêu cầu cô L cấp dưỡng.

3. Về tài sản: Tài sản riêng; tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu Tô Anh N để cháu Tô Thuỳ A cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu Tòa giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết quan hệ tài sản.

- Anh Tô Văn T vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về Tố tụng. Bị đơn có địa chỉ tại tổ 6, phường T, thành phố Đ (nay là phường Đ), tỉnh Đ do vậy vụ án xin ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1- Đ theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39/BLTTDS.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Tô Văn T và chị Phan Thị Kim L có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố Đ, (nay là phường Đ), tỉnh Đ. Do vậy hôn nhân giữa hai người là hợp pháp.

Theo lời khai của chị L cùng bản tự khai của anh T và tại phiên tòa hôm nay cho thấy: Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do anh T và chị L tính

tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, anh T thường xuyên phải đi công tác nên không có thời gian chăm sóc gia đình dẫn đến mâu thuẫn. Hai anh chị có xảy ra xô xát và đã ly thân hơn 02 năm nay. Bản thân chị L xét thấy tình cảm không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

- Quan điểm anh Thắng không đồng ý ly hôn, do muốn cùng nhau có cơ hội hàn gắn tình cảm, nhìn nhận lại sự việc cùng rút kinh nghiệm vì con, cho các con có đủ tình yêu thương cả bố và mẹ, bản thân anh T cũng thừa nhận có mâu thuẫn nhỏ nhưng không hoà giải được. Hai năm nay anh chị không kết nối tình cảm. Và không thể hàn gắn được tình cảm do hai vợ chồng đã ly thân.

Hội đồng xét xử xét thấy, để đảm bảo quyền lợi của chị L cùng anh T và để giải phóng cho cả hai anh chị thoát khỏi tình trạng hiện tại khi mà cuộc hôn nhân không thể đem lại hạnh phúc cho chị, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, vì mục đích của hôn nhân không đạt được. Hai anh chị không dành thời gian chung sống chăm sóc giúp đỡ nhau, theo Điều 19 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Nhưng hai anh chị không muốn thực hiện quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều luật này do hai anh chị không cùng chí hướng, không gánh vác công việc gia đình cùng nhau, mâu thuẫn đã trầm trọng như vậy không thể đảm bảo hạnh phúc gia đình cho chị Lan cùng con. Áp dụng Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị L xử cho ly hôn giữa chị L và anh T. Đối với yêu cầu của anh T không muốn ly hôn nhưng cũng không có ý định hàn gắn tình cảm, hai anh chị đều thừa nhận đã ly thân hơn 02 năm nay, kinh tế độc lập như vậy mâu thuẫn cũng đã trầm trọng tình cảm không thể hàn gắn được. Bác yêu cầu của anh T về việc không đồng ý ly hôn.

[3]. Về con chung: Chị L và anh T đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các con, và xét nguyện vọng các cháu.

Xét nguyện vọng của 2 anh chị về điều kiện kinh tế thì lương và các khoản phụ cấp của anh T theo anh khai là 8 triệu /1 tháng, còn chị L kinh doanh thu nhập giao động từ 10 đến 12 triệu đồng/ 1 tháng. Xét về điều kiện chăm sóc các cháu HĐXX xét thấy cả 2 anh chị đều có đủ điều kiện về kinh tế để nuôi con. Do vậy HĐXX Quyết định giao cháu Tô Thuỳ A sinh ngày 19/7/2008 cho anh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Giao cháu Tô Anh N sinh ngày 16/06/2012 cho chị L được quyền chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng cả 02 anh chị. Anh T và chị L có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết, HĐXX chấp nhận sự tự nguyện nuôi con của hai anh chị.

[5] Về tài sản: Tài sản riêng; tài sản chung; Nợ phải trả, nợ lấy về diện tích ruộng, nương: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ Khoản 4 Điều 147/BLTTDS. Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ

Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Phan Thị Kim L phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm, chị L đã nộp tạm ứng số tiền 300.000đ theo biên lai số: 0001189 ngày 31/3/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ. (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Đ) (chị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm).

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 19, Điều 69, Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Phan Thị Kim L được ly hôn với anh Tô Văn T

2. Về con chung: Giao cháu Tô Thuỳ A sinh ngày 19/7/2008 cho anh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Giao cháu Tô Anh N sinh ngày 16/06/2012 cho chị L được quyền chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi các cháu thành niên và có khả năng lao động hoặc có thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện nuôi con của hai anh chị.

Ng-ời không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai đ-ợc cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về tài sản: Tài sản riêng; tài sản chung; Nợ phải trả, nợ lấy về: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Căn cứ Khoản 4 Điều 147/BLTTDS. Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Phan Thị Kim L phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm, chị L đã nộp tạm ứng số tiền 300.000đ theo biên lai số: 0001189 ngày 31/3/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Đ) (chị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm).

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án chính, hoặc bản án được niêm yết.

Nơi gửi:

- TAND tỉnh Đ
- VKSND khu vực I- ĐB
- Chi cục THADS TĐB
- UBND phường Th;(nay là Đ)
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ
- Kế toán,vp

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bạc Thị Liên

